

【宮城県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
野菜	キャベツ	319	6,800	4,870	98	103	105
	春キャベツ	103	1,860	1,130	96	104	107
	夏秋キャベツ	104	2,420	1,940	100	103	105
	冬キャベツ	nc	nc	nc
	きゅうり	376	13,700	11,000	99	105	108
	冬春きゅうり	73	5,880	5,420	101	106	108
	夏秋きゅうり	303	7,850	5,570	99	105	107
	さといも	nc	nc	nc
	秋冬さといも	nc	nc	nc
	その他さといも	nc	nc	nc
	だいこん	461	9,700	3,850	94	98	98
	春だいこん	nc	nc	nc
	夏だいこん	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	353	7,620	2,410	94	98	98
	たまねぎ	nc	nc	nc
	トマト	235	11,100	9,600	104	117	120
	ミニトマト	44	1,350	1,140	102	113	113
	加工用トマト	22	601	601	157	204	204
	冬春トマト	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	nc	nc	nc
	夏秋トマト	189	5,180	4,010	104	117	120
	夏秋ミニトマト	30	819	680	103	113	113
	夏秋加工用トマト	22	601	601	157	204	204
	なす	200	2,920	1,380	96	105	105
	冬春なす	nc	nc	nc
	夏秋なす	196	2,740	1,210	96	105	104
	にんじん	nc	nc	nc
	春夏にんじん	nc	nc	nc
	秋にんじん	nc	nc	nc
	冬にんじん	nc	nc	nc
	ねぎ	615	9,950	7,200	100	102	104
	春ねぎ	98	1,660	1,350	100	106	107
	夏ねぎ	125	1,940	1,610	101	108	110
	秋冬ねぎ	392	6,350	4,240	101	100	102
	はくさい	393	9,180	3,340	94	98	94
	春はくさい	nc	nc	nc
	夏はくさい	nc	nc	nc
	秋冬はくさい	364	8,300	2,860	95	98	94
	ばれいしょ	478	6,690	1,980	96	100	98
	春ばれいしょ	478	6,690	1,980	96	100	98
秋ばれいしょ	-	-	-	nc	nc	nc	
ピーマン(しとう舎)	52	2,460	2,090	nc	nc	nc	
冬春ピーマン	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	47	1,740	1,420	nc	nc	nc	
ほうれんそう	349	2,930	1,770	100	98	99	
レタス(サラダ菜舎)	nc	nc	nc	
サラダ菜	nc	nc	nc	
春レタス(サラダ菜舎)	nc	nc	nc	
春サラダ菜	nc	nc	nc	
夏秋レタス(サラダ菜舎)	nc	nc	nc	
夏秋サラダ菜	nc	nc	nc	
冬レタス(サラダ菜舎)	nc	nc	nc	
冬サラダ菜	nc	nc	nc	

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
特 定 野 菜	アスパラガス	…	…	…	nc	nc	nc
	いちご	136	5,000	4,590	104	108	108
	えだまめ	303	1,360	605	102	107	107
	かぶ	…	…	…	nc	nc	nc
	かぼちゃ	212	1,720	773	100	108	115
	カリフラワー	…	…	…	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…	-	nc	nc	-
	グリーンピース	…	…	…	nc	nc	nc
	ごぼう	…	…	…	nc	nc	nc
	こまつな	136	1,700	1,350	103	101	102
	さやいんげん	169	859	236	95	99	100
	さやえんどう	55	251	48	100	94	89
	ししとう	3	42	21	nc	nc	nc
	冬春ししとう	…	…	…	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	3	41	20	nc	nc	nc
	しゅんぎく	54	821	696	100	113	112
	しょうが	…	…	…	nc	nc	nc
	スイートコーン	404	2,340	526	95	97	96
	ずいか	…	…	…	nc	nc	nc
	セルリー	…	…	…	nc	nc	nc
	そらまめ	66	426	324	100	85	85
	ちんげんさい	59	773	603	107	107	110
	にら	…	…	…	nc	nc	nc
	にんにく	…	…	…	nc	nc	nc
	ふき	…	…	…	nc	nc	nc
	ブロッコリー	…	…	…	nc	nc	nc
みずな	43	490	413	83	77	75	
みつば	…	…	…	nc	nc	nc	
メロン	…	…	…	nc	nc	nc	
温室メロン	…	…	…	nc	nc	nc	
やまのいも	…	…	…	nc	nc	nc	
ながいも	…	…	…	nc	nc	nc	
れんこん	…	…	…	nc	nc	nc	

資料: 農林水産省「令和3年産野菜生産出荷統計」及び「令和3年産作物統計」

注: 表中に用いた記号「0」: 単位に満たないもの(例: 0.4ha→0ha)、「-」: 事実のないもの、「…」: 事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」: 計算不能